

**PHỤ LỤC - TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ CỦA CÁC HIỆP HỘI, DOANH NGHIỆP
VỀ RÀO CẢN TRONG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)**

(Đính kèm công văn số 09 /Ban IV ngày 17/04/2026)

TT	Lĩnh vực	Tên TTHC	Lý do đề xuất (vướng mắc gặp phải)	Đề xuất Phân cấp cho địa phương	Đề xuất Cắt giảm/đơn giản hóa
1.	Đầu tư	Thiếu thống nhất về quy định TTHC giữa các văn bản hướng dẫn luật Đất đai và Luật đầu tư liên quan đến Hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư	<p>Theo phản ánh, các doanh nghiệp (DN) hiện nay gặp phải tình trạng bị trả lại hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư do chưa đồng nhất về quy định TTHC giữa hệ thống văn bản QPPL hướng dẫn Luật đất đai và Luật đầu tư. Cụ thể tại Nghị định 151/2025 (điểm c, Khoản 3, Điều 10) quy định Thẩm quyền của UBND cấp tỉnh phân quyền, phân cấp cho UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã: Chấp thuận bằng văn bản về việc thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đối với một số trường hợp được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm.</p> <p>Tuy nhiên, tại điểm d, Khoản 8, Điều 1, Nghị định 239/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật đầu tư, bộ TTHC cấp phép chủ trương đầu tư lại quy định thành phần hồ sơ cấp phép chủ trương bao gồm bản sao hợp lệ văn bản của UBND cấp tỉnh chấp thuận việc thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất thực hiện dự án đầu tư.</p>		Kiến nghị: Sửa đổi Nghị định 239/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư về thành phần hồ sơ trong TTHC cấp phép chủ trương đầu tư, để có sự thống nhất trong các văn bản hướng dẫn giữa Luật Đầu tư và Luật Đất đai.

2.	Đầu tư	Quy định liên quan đến khu công nghiệp sinh thái	<p>Tại khoản 5, Điều 41, Nghị định 35/2022/NĐ-CP quy định: Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế tổ chức đánh giá hồ sơ và lập báo cáo đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí xác định khu công nghiệp sinh thái (KCN ST) theo quy định tại Điều 37 của Nghị định này. Trong quá trình tổ chức đánh giá, Ban quản lý KCN, KTT tham khảo ý kiến của tổ chức hoặc đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, đáp ứng các điều kiện về cung cấp dịch vụ tư vấn, đánh giá, xác nhận về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trong hoàn cảnh hồ sơ đề nghị công nhận KCN ST đã được gửi lấy ý kiến các bộ, ngành liên quan, quy định này cần được làm rõ hơn về vai trò, phạm vi và thời điểm thực hiện để tránh trùng lặp thủ tục. Trên thực tế, các bộ, ngành được lấy ý kiến đã có chức năng quản lý nhà nước và chuyên môn sâu trong các lĩnh vực môi trường, tài nguyên, công nghiệp và đầu tư; do đó, nếu không xác định rõ ranh giới giữa ý kiến quản lý nhà nước và ý kiến tư vấn kỹ thuật độc lập, quy trình đánh giá có thể trở nên kéo dài và phát sinh chi phí không cần thiết cho nhà đầu tư.</p>		<p>Kiến nghị: Sửa đổi hoặc quy định rõ nội hàm Khoản 5, Điều 41, Nghị định 35/2022/NĐ-CP theo hướng: rõ nội dung, rõ thời hạn, rõ đầu mối cần lấy ý kiến, rõ trách nhiệm và cơ chế phản hồi...(thời hạn thực hiện TTHC) đồng thời, đảm bảo việc tham khảo ý kiến của các tổ chức tư vấn chuyên môn cần được thực hiện song song với quá trình lấy ý kiến các bộ, ngành, thay vì tiến hành theo trình tự nối tiếp hoặc lặp lại vì cùng 1 bộ hồ sơ, đã có rất nhiều bộ/ngành tham gia ý kiến ở các công đoạn khác nhau. Cách tiếp cận này vừa đảm bảo đầy đủ căn cứ chuyên môn cho cơ quan quyết định, vừa giảm thiểu độ trễ thủ tục hành chính, phù hợp với chủ trương cải cách thủ tục đầu tư và khuyến khích phát triển khu công nghiệp sinh thái.</p>
3.	Đầu tư	Thông tin trùng lặp giữa Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (“IRC”) và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (“ERC”)	<p>Theo Luật Đầu tư, IRC chủ yếu ghi nhận các thông tin liên quan đến dự án và nhà đầu tư (mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn đầu tư, tiến độ, ưu đãi), trong khi ERC theo Luật Doanh nghiệp ghi nhận thông tin về pháp nhân được thành lập (tên, mã số, địa chỉ, vốn điều lệ, cổ đông, người đại diện pháp luật). Tuy nhiên, thực tế cho thấy phần lớn nội dung trong IRC trùng lặp với ERC, từ thông tin nhà đầu tư, người đại diện theo pháp luật, vốn điều lệ cho đến ngành nghề kinh doanh.</p> <p>Ngoài ra, đối với dự án đã có chấp thuận chủ trương đầu tư, thì phần lớn nội dung IRC lại tiếp tục trùng với văn bản chấp thuận này. Điều đó khiến nhà đầu tư phải khai báo và nộp lập lại cùng một bộ dữ liệu cho nhiều cơ quan quản lý khác nhau.</p>		<p>Kiến nghị: Loại bỏ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (IRC) hoặc hợp nhất hai giấy tờ này, cụ thể: <i>Đối với các dự án thuộc diện phải xin chấp thuận chủ trương đầu tư:</i> - Tiếp tục thực hiện thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định hiện hành (Nội dung trong IRC và văn bản chấp thuận chủ trương về cơ bản trùng nhau, nên không cần thêm IRC) - Thực hiện đăng ký thành lập doanh nghiệp (ERC) sau khi có chấp thuận chủ trương đầu tư.</p>

		<p>Do sự chồng chéo giữa Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (IRC) và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (ERC) mọi thay đổi liên quan đến dự án đầu tư thường kéo theo hai thủ tục song hành: điều chỉnh IRC và điều chỉnh ERC.</p>	<p><i>Đối với các dự án không thuộc diện xin chấp thuận chủ trương đầu tư:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thủ tục đăng ký đầu tư (thay thế việc xin cấp IRC). Thủ tục này thực hiện một lần khi thành lập công ty mới tại Việt Nam. Áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào các ngành nghề hạn chế tiếp cận thị trường hoặc nhà đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ, tương tự như thủ tục xin chấp thuận mua vốn góp, cổ phần trong công ty hiện hữu hiện nay. Thủ tục này tạo sự thống nhất giữa quy trình thành lập mới doanh nghiệp FDI của nhà đầu tư nước ngoài với quy trình nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần/phần vốn góp trong các công ty hiện hữu. - Thực hiện đăng ký thành lập doanh nghiệp (ERC) sau khi hoàn tất đăng ký đầu tư. <p><i>Đối với trường hợp mua phần vốn góp/cổ phần trong công ty hiện hữu, giữ nguyên quy định hiện hành</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thủ tục xin chấp thuận mua vốn góp, cổ phần trong công ty hiện hữu (áp dụng với ngành nghề hạn chế tiếp cận thị trường hoặc khi tỷ lệ sở hữu nước ngoài vượt trên 50%).
--	--	---	--

4.	Đầu tư	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ dự án	<p>Luật Đầu tư quy định IRC phải được cấp trong vòng 15 ngày (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương) hoặc tối đa 30 ngày (nếu dự án phải thẩm định/phê duyệt chủ trương) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Luật Doanh nghiệp cũng quy định ERC phải hoàn tất trong 03 ngày làm việc. Trên văn bản pháp luật, một nhà đầu tư nước ngoài khi thành lập doanh nghiệp FDI mới đáng lẽ chỉ mất khoảng 2 - 4 tuần để hoàn tất đầy đủ các thủ tục cần thiết. Tuy nhiên, thực tế triển khai cho thấy có sự chênh lệch đáng kể so với khung thời hạn luật định. Trên thực tế phát sinh các trường hợp như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một dự án tại miền Bắc (2022) mất hơn 2 tháng để được cấp IRC lần đầu (nộp hồ sơ ngày 12/5, đến 25/7 mới được cấp), tức gấp 4 lần so với hạn định pháp luật, do hồ sơ phải qua nhiều vòng lấy ý kiến trung gian. - Một dự án mở rộng (2024 - 2025) phải chờ gần 7 tháng để được phê duyệt điều chỉnh IRC, chủ yếu vì cơ quan cấp phép liên tục yêu cầu bổ sung hồ sơ nhưng lại không viện dẫn cơ sở pháp lý cụ thể, khiến doanh nghiệp bị treo kế hoạch kinh doanh. - Một dự án thay đổi nhà đầu tư (2020 - 2022) kéo dài tới gần 2 năm mới được điều chỉnh IRC, nguyên nhân xuất phát từ việc “đẩy qua – đẩy lại” giữa các cơ quan nhà nước cấp Trung ương và địa phương, phản ánh sự thiếu thống nhất trong thẩm quyền và cơ chế phối hợp. 		<p>Kiến nghị: Chính phủ cần có cơ chế "hậu kiểm" đối với việc tuân thủ các khung thời gian quy định và thực thi chính sách của các cơ quan bộ ngành và địa phương trong việc xử lý TTHC cho doanh nghiệp. Hoặc trường hợp thực sự cần thời gian dài hơn để phục vụ đánh giá, thẩm định thì không nhất định phải "cắt giảm ngày trên giấy tờ", có thể sửa quy định "thời hạn thực hiện TTHC" theo thực tế nhưng phải đánh giá kỹ trước khi công bố, vì điều doanh nghiệp cần nhất là tính nhất quán giữa quy định với thực thi để hoạch định phương án sản xuất, kinh doanh hiệu quả theo đó, thay vì bị động chờ mà không rõ khoảng thời gian cho các bước tiếp theo.</p>
5.	Đầu tư	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) cấp trung ương với dự án nuôi biển	<ul style="list-style-type: none"> - Việc thẩm định báo cáo ĐTM do cấp Bộ thực hiện (theo quy định tại Điều 35, Luật Bảo vệ môi trường 2020, sửa đổi 2025) khiến thời gian kéo dài do phải "xếp hàng" thẩm định tập trung tại Trung ương, trong khi trên thực tế việc giám sát môi trường sau này lại do địa phương thực hiện, như vậy cấp thẩm định và cấp quản lý không đồng nhất. - Khoản 1 Điều 34 Luật BVMT và Khoản 6, Điều 1, Luật số 146/2025/QH15 (sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường) yêu cầu Báo cáo khả thi (hoặc tài liệu tương đương) trong hồ sơ 	<p>Kiến nghị: sửa Điều 35 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Điều 38.1 Nghị định 136/2025/NĐ-CP theo hướng chuyên quyền quyết định từ Bộ</p>	<p>Kiến nghị: Sửa đổi các văn bản pháp luật liên quan theo hướng tích hợp hoặc xử lý song song thủ tục ĐTM với thủ tục giao khu vực biển, (iii) Cho phép dùng chung một bộ dữ liệu hiện trạng môi trường, một hệ tọa độ, một đợt lấy ý kiến. (iv) Bỏ yêu cầu lặp lại các nội dung đã được xem xét ở bước đánh giá sơ bộ môi trường trong hồ sơ xin chủ trương đầu</p>

		<p>ĐTM, nội dung này cơ bản trùng lặp với Mẫu số 17 (Thuyết minh dự án) tại Điều 15 Văn bản hợp nhất 26/VBHN-BNNMT 2026 khi nộp hồ sơ giao khu vực biển. Mặc dù hai tài liệu phục vụ các mục tiêu quản lý khác nhau, nhưng trên thực tế có sự trùng lặp đáng kể về thông tin, làm gia tăng chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.</p> <p>- Tại Điều 29 Luật Bảo vệ môi trường yêu cầu đánh giá sơ bộ tác động môi trường đồng thời với hồ sơ đề nghị quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư, sau đó doanh nghiệp tiếp tục phải thực hiện ĐTM (trước khi triển khai dự án).</p>	<p>về UBND cấp tỉnh đối với các dự án nuôi biển nằm trong 01 tỉnh, trong phạm vi đến 06 hải lý, trong vùng nuôi đã có quy hoạch (trừ dự án thuộc bí mật quốc gia, liên tỉnh, ngoài 06 hải lý hoặc khu vực nhạy cảm)</p>	<p>tư, trừ phần nội dung chuyên sâu bắt buộc của ĐTM.</p>
--	--	--	---	---

6.	Đầu tư	Thông báo Tập trung kinh tế	<p>Qua thực tiễn thực hiện Luật Cạnh tranh 2018, quy trình xử lý hồ sơ liên quan đến Thủ tục Thông báo Tập trung kinh tế (TTKT) hiện đang bộc lộ những nút thắt lớn gây gia tăng chi phí tuân thủ, kéo dài thời gian ra quyết định đầu tư, cản trở dòng vốn đầu tư và làm giảm hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian thẩm định kéo dài: Nhiều hồ sơ TTKT, dù quy mô nhỏ và ít rủi ro, vẫn cần 2-3 tháng mới có ý kiến cuối cùng. Mặc dù Điều 36 và 37, Luật Cạnh tranh đã quy định thời hạn, nhưng việc tận dụng tối đa thời gian thẩm định (thường kéo dài đến mức tối đa 30 ngày cho thẩm định sơ bộ (Điều 36) và 90-150 ngày cho thẩm định chính thức (Điều 37) đối với mọi loại hồ sơ đang trở thành rào cản cho các hợp tác quốc tế - nơi yếu tố “thời gian phê duyệt” quyết định đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam. - Quy trình nhiều tầng nấc: Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có thể tiến hành tham vấn ý kiến của các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân khác có liên quan (Điều 39, Luật Cạnh tranh và Điều 3, 9, 11 Nghị định 35/2020/NĐ-CP) do đó hồ sơ được chuyển cho nhiều cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp lấy ý kiến. Một rủi ro với DN nộp hồ sơ là thông tin bảo mật về kinh doanh lại gửi cho các DN cùng ngành. Thực tế quy trình này gây kéo dài thời gian thẩm định. - Thiếu cơ chế xử lý linh hoạt theo mức độ rủi ro: Điều này dẫn đến việc các hồ sơ có bản chất thương mại đơn thuần vẫn phải trải qua quy trình thẩm định kéo dài tương đương các vụ sáp nhập lớn, gây lãng phí nguồn lực của cả cơ quan quản lý và DN. - Thiếu công cụ hỗ trợ và minh bạch hóa: Việc thực hiện nộp hồ sơ thủ công nhưng thiếu sự kết nối trực tuyến khiến DN rơi vào trạng thái "chờ đợi trong mù mờ", khó theo dõi tiến độ, chưa có kênh thông tin để tham chiếu số liệu cũng như phản hồi trực tuyến để làm rõ các yêu cầu bổ sung hoặc thiếu sót hồ sơ. 	<p>Kiến nghị: Sửa đổi Luật Cạnh tranh 2018 và Nghị định 35/2020/NĐ-CP theo hướng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem xét rút ngắn thời gian thẩm định, ưu tiên đối với các hồ sơ đã chuẩn bị đầy đủ, minh bạch, không có dấu hiệu gây ảnh hưởng cạnh tranh mạnh – ví dụ nếu giá trị tập trung nhỏ, thị phần nhỏ, thì không cần thẩm định chính thức 90 ngày mà có thể kết thúc ở thẩm định sơ bộ 30 ngày; - Quy định khung thời gian tối đa cho từng giai đoạn xử lý hồ sơ, ví dụ: giai đoạn thẩm định sơ bộ không quá 30 ngày, giai đoạn thẩm định chính thức không quá 90 ngày theo Luật Cạnh tranh; - Cơ chế tham vấn: Việc chuyển hồ sơ qua lại nhiều tầng nấc theo cách hiện nay, cần quy định rõ thời hạn phản hồi của các đơn vị liên quan (Điều 18. Khoản 2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia về việc tham vấn ý kiến, cơ quan, tổ chức, cá nhân được tham vấn có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan về nội dung được tham vấn). Cần sửa đổi bổ sung theo hướng quá thời hạn quy định mà đơn vị được tham vấn không có ý kiến thì được coi là đồng ý với phương án của cơ quan cạnh tranh, nhằm đảm bảo tiến độ chung của toàn quy trình. <p>- Áp dụng cơ chế phân loại hồ sơ theo</p>
----	--------	-----------------------------	---	--

				<p>rủi ro: Nhóm rủi ro thấp (thị phần nhỏ, ngành cạnh tranh cao, không hình thành vị thế chi phối): xử lý nhanh, theo quy trình rút gọn; Nhóm rủi ro cao (liên quan độc quyền tự nhiên, tập trung thị trường lớn): thẩm định đầy đủ, phối hợp liên ngành sâu hơn.</p> <p><i>Kiến nghị giải pháp liên quan đến chuyển đổi số và số hóa:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển đổi số toàn diện công tác quản lý TTKT: Cho phép DN nộp hồ sơ bản điện tử (Scan/PDF), theo dõi trạng thái xử lý theo thời gian thực (ví dụ: “đã tiếp nhận”, “đang thẩm định sơ bộ”, “đang lấy ý kiến”, “đã có kết quả”). Cơ chế này giúp loại bỏ tình trạng "ngâm" hồ sơ và tăng tính giải trình của cán bộ thụ lý. - Xây dựng/Minh bạch Cơ sở dữ liệu thị trường quốc gia. Công khai các chỉ số thị phần cơ bản và danh mục các doanh nghiệp có vị trí tập trung kinh tế trong một số lĩnh vực trọng điểm. Điều này giúp doanh nghiệp tự đối chiếu và xác định nghĩa vụ Thông báo TTKT một cách chuẩn xác trước khi nộp hồ sơ, giảm thiểu việc bổ sung/sửa đổi nhiều lần.
--	--	--	--	--

7.	Đầu tư	Thành lập công ty Dự án trực thuộc 100% Nhà đầu tư trúng thầu/được giao Dự án	<p>Khoản 5, Điều 51, Nghị định 31/2021/NĐ-CP, khoản 7 Điều 60 Nghị định 96/2026/NĐ-CP, Điều 51 và Điều 53 Nghị định 115/2024/NĐ-CP cho phép Nhà đầu tư (NĐT) được thành lập tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư. Theo khoản 2 Điều 51 Nghị định 115/2024/NĐ-CP, trường hợp thành lập tổ chức kinh tế để thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều này, nhà đầu tư phải đề xuất trong hồ sơ dự thầu.</p> <p>Đồng thời, khi xem xét, chấp thuận NĐT là NĐT thực hiện dự án, Sở Tài chính đã tiến hành thẩm định, lấy ý kiến của các sở, ban ngành về năng lực, đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất và trình UBND tỉnh ra Quyết định chấp thuận NĐT thực hiện Dự án.</p> <p>Tuy nhiên khi NĐT lập công ty để thực hiện Dự án (NĐT được chấp thuận sở hữu 100% vốn) thì NĐT phải thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo khoản 5 Điều 51 Nghị định 31/2021/NĐ-CP (cũ), khoản 7 Điều 60 Nghị định 96/2026/NĐ-CP (mới). Sở Tài chính lại tiến hành thẩm định, lấy ý kiến lại từ đầu đối với NĐT mới này, gây mất thời gian lấy ý kiến không cần thiết do NĐT mới là công ty Dự án trực thuộc NĐT đã được UBND tỉnh công nhận là NĐT thực hiện Dự án.</p>	<p>Kiến nghị: Sửa đổi các văn bản liên quan theo hướng "Không thực hiện thủ tục lấy ý kiến các Đơn vị liên quan khi NĐT thành lập tổ chức kinh tế để thực hiện dự án đầu tư với điều kiện NĐT được chấp thuận sở hữu 100% vốn tổ chức kinh tế để thực hiện dự án đầu tư". Khi NĐT nộp đơn đề nghị chấp thuận tổ chức kinh tế để thực hiện dự án đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thể hiện NĐT được chấp thuận sở hữu 100% vốn tổ chức kinh tế để thực hiện dự án đầu tư, Sở Tài chính sẽ trình thẳng cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh cấp Quyết định chấp thuận doanh nghiệp 100% vốn của NĐT là tổ chức kinh tế để thực hiện dự án đầu tư mà không phải lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành khác.</p> <p>NĐT chỉ phải thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư, lấy ý kiến các đơn vị liên quan khi tổ chức kinh tế để thực hiện dự án đầu tư có vốn đầu tư của nhà đầu tư khác với NĐT đã được Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận là NĐT dự án.</p>
----	--------	---	--	--

8.	Đầu tư	Điều chỉnh chủ trương Đầu tư Dự án	<p>Theo khoản 3, Điều 53 Nghị định 96/2026/NĐ-CP, đối với thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo của cơ quan đăng ký đầu tư, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>Tuy nhiên, trên thực tế, đối với việc điều chỉnh các nội dung quan trọng liên quan đến Dự án đầu tư, Chủ tịch UBND tỉnh phải lấy ý kiến Thành viên UBND, Thường vụ Tỉnh ủy, thậm chí Ban chấp hành Tỉnh ủy, tốn nhiều thời gian lấy ý kiến, thậm chí phải đợi Hội đồng chuyên môn/ban chấp hành Tỉnh ủy để được quyết định phê duyệt các nội dung này, gây chậm trễ về thời gian chờ đợi phê duyệt cho doanh nghiệp.</p>	<p>Kiến nghị: Điều chỉnh các Quy chế hoạt động liên quan của thành viên UBND tỉnh, Thường vụ Tỉnh ủy theo hướng tinh gọn, kịp thời, đẩy mạnh việc lấy ý bằng văn bản (giữa các kì họp thường kỳ) nhằm kịp thời giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp. Có chế tài và gắn với trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan bộ/ngành và địa phương để đảm bảo tuân thủ thời hạn quy định trong xử lý TTHC cho doanh nghiệp, đảm bảo kỷ cương hành chính.</p> <p>Trường hợp thực sự cần thời gian dài hơn để phục vụ đánh giá, thẩm định thì không nhất định phải "cắt giảm ngày trên giấy tờ", có thể sửa quy định "thời hạn thực hiện TTHC" theo thực tế nhưng phải đánh giá kĩ trước khi công bố, vì điều doanh nghiệp cần nhất là tính nhất quán giữa quy định với thực thi để hoạch định phương án sản xuất, kinh doanh hiệu quả theo đó, thay vì bị động chờ mà không rõ khoảng thời gian cho các bước tiếp theo.</p>
----	--------	------------------------------------	--	--

9.	Đầu tư	Chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án năng lượng	<p>Hồ sơ bổ sung quy hoạch phát triển điện lực quốc gia/phương án phát triển nguồn điện trong quy hoạch tỉnh đã bao gồm các nội dung sau: (i) Sự cần thiết đầu tư: Đánh giá nhu cầu phụ tải, sự phù hợp với chiến lược phát triển năng lượng và Quy hoạch điện VIII; (ii) Thông tin chung về dự án: Tên dự án, địa điểm, quy mô công suất, dự kiến diện tích đất/mặt biển; (iii) Đánh giá tiềm năng gió/mặt trời; (iv) Phương án đấu nối lưới điện: Khả năng giải tỏa công suất, quy mô các trạm biến áp, đường dây đấu nối. (v) Phân tích Hiệu quả Kinh tế - Tài chính: Tổng mức đầu tư dự kiến, phương án huy động vốn, chi phí O&M, giá điện dự kiến, và các chỉ số tài chính (NPV, IRR). (vi) Tác động Môi trường và Xã hội (Sơ bộ): Đánh giá các tác động lên môi trường sinh thái (chim, luồng cá...), sinh kế người dân, và luồng tuyến hàng hải...</p> <p>Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (Pre FS) trong quá trình đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án cũng có nội dung tương tự. Như vậy, bước bổ sung quy hoạch dự án năng lượng và bước chấp thuận chủ trương đầu tư dự án có nội hàm giống nhau. Việc thực hiện cả 02 bước sẽ kéo dài thời gian thực hiện dự án năng lượng.</p> <p>Hiện tại, Điều 5, Nghị quyết 253/2025/QH15 mới chỉ cho phép dự án đầu tư kinh doanh lưới điện trong quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư.</p> <p>Do đó, cần xem xét bỏ thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với cả dự án nguồn điện.</p>		<p>Kiến nghị: Để có thể đẩy nhanh tiến độ lựa chọn nhà đầu tư, triển khai thực hiện dự án năng lượng, giải quyết vấn đề thiếu hụt năng lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, kiến nghị tất cả các dự án đầu tư kinh doanh điện lực (bao gồm cả dự án lưới điện và dự án nguồn điện) đã nằm trong quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư. Sau khi dự án đầu tư kinh doanh điện lực được bổ sung vào quy hoạch, sẽ tiến hành thủ tục lựa chọn nhà đầu tư dự án.</p>
----	--------	---	--	--	---

10.	Đầu tư	Chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án đầu tư kinh doanh điện lực	<p>Khoản 1, Điều 18, Luật Điện lực quy định các trường hợp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh điện lực sau đây không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong đó có:</p> <p>"b) Dự án thủy điện mở rộng và dự án cải tạo hoặc nâng cấp lưới điện được chấp thuận cho nhà đầu tư sở hữu dự án hiện hữu;</p> <p>đ) Dự án điện gió ngoài khơi thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 29 của Luật này;</p> <p>e) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai."</p> <p>Dự án năng lượng mở rộng thường gắn liền và sử dụng chung cơ sở hạ tầng với dự án điện ban đầu. Việc giao trực tiếp phần dự án mở rộng cho chính chủ sở hữu dự án hiện hữu sẽ giúp bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong công tác quản lý và khai thác công trình, nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Cơ chế này giúp tránh được sự chồng chéo, xung đột lợi ích hoặc rủi ro kỹ thuật nếu có hai nhà đầu tư khác nhau cùng vận hành trên một khu vực dự án. Đồng thời, việc giao dự án cho nhà đầu tư hiện hữu cũng tối ưu hóa chi phí đầu tư, giảm giá thành sản xuất điện, từ đó, rút ngắn thủ tục và bảo đảm an ninh năng lượng cấp bách. Tuy nhiên, còn một số trường hợp có tính chất tương tự chưa được quy định theo hướng này, đề nghị cơ quan chức năng xem xét bổ sung (cụ thể tại phần Kiến nghị)</p>	<p>Kiến nghị: Bổ sung các trường hợp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh điện lực sau đây không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để rút ngắn thủ tục lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư kinh doanh điện lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các dự án điện năng lượng tái tạo mở rộng được chấp thuận cho nhà đầu tư sở hữu dự án hiện hữu. - Các dự án điện mặt trời nổi tại các lòng hồ thủy điện được chấp thuận cho nhà đầu tư sở hữu dự án thủy điện hiện hữu.
-----	--------	---	---	---

11.	Đầu tư		<p>Đối với các khu chức năng như Khu công nghệ cao, Khu thương mại tự do (i) đã có quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; (ii) ngành nghề sản xuất, kinh doanh đã được kiểm soát thông qua giấy phép môi trường/ báo cáo đánh giá tác động môi trường; (iii) hạ tầng kỹ thuật và hệ thống quản lý vận hành đã được thiết lập đồng bộ; tuy nhiên, thực tiễn hiện nay cho thấy các dự án đầu tư trong khu vẫn phải thực hiện nhiều thủ tục thẩm định, cấp phép qua các Sở chuyên môn của tỉnh, dẫn đến kéo dài thời gian xử lý hồ sơ và gia tăng chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.</p> <p>Hiện nay thành phố Đà Nẵng đã được trung ương phê duyệt cơ chế phát triển đặc thù tại Nghị quyết 136/2024/QH15, do vậy doanh nghiệp đề xuất đề các cơ chế đặc thù phát huy hiệu quả trên thực tế, tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư trong khu và phát triển kinh tế cho tỉnh, đề xuất UBND tỉnh phân cấp cho Ban quản lý Khu CN cao thực hiện một số thủ tục về xây dựng và đất đai.</p>		<p>Kiến nghị: UBND thành phố phân cấp, ủy quyền cho Ban quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng thực hiện thẩm định và cấp phép các thủ tục về xây dựng, đất đai theo cơ chế “một cửa, tại chỗ” cho các nhà đầu tư dự án trong Khu công nghệ cao, Khu thương mại tự do, đồng thời chuyển vai trò của các Sở chuyên môn sang hướng dẫn và hậu kiểm nhằm rút ngắn thời gian xử lý, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp nhưng vẫn bảo đảm quản lý nhà nước thống nhất và đúng quy định pháp luật, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định thiết kế xây dựng; - Cấp, điều chỉnh, gia hạn giấy phép xây dựng; - Tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ và thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai (trên cơ sở ủy quyền của UBND thành phố).
12.	Đầu tư		<p>Đối với các dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, pháp luật hiện hành yêu cầu phải thực hiện thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ (theo quy định tại Điều 13 Luật Chuyển giao công nghệ 2017, sửa đổi 2025); việc thẩm định công nghệ là một phần trong quá trình thẩm định dự án đầu tư. Đồng thời nội dung công nghệ cũng là một thành phần trong hồ sơ thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Điều 58) và thiết kế xây dựng (Điều 83, Luật Xây dựng 2014, sửa đổi năm 2020) dẫn đến nguy cơ trùng lặp thủ tục, kéo dài thời gian chuẩn bị dự án.</p>		<p>Kiến nghị: Cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu hoàn thiện quy định liên quan theo hướng công nhận, kế thừa kết quả thẩm định về công nghệ trong các bước thẩm định tiếp theo của dự án (thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở) nhằm giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, rút ngắn thời gian và bảo đảm tính nhất quán trong quản lý dự án đầu tư.</p>

13.	Đầu tư	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dự án cảng thủy nội địa (kèm xin ý kiến liên ngành)	<p>Đối với Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dự án cảng thủy nội địa, hiện nay quy trình thẩm định phân tán, doanh nghiệp phải làm việc trực tiếp với nhiều cơ quan. Ví dụ: Trong quá trình triển khai một dự án cảng thủy nội địa, doanh nghiệp phải xin ý kiến của khoảng 14 Cơ quan ban ngành khác nhau để đánh giá các nội dung như:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khả năng ảnh hưởng đến không gian văn hóa; • Khả năng ảnh hưởng quốc phòng - an ninh; • Khả năng áp dụng điều kiện khoa học - công nghệ; • Môi trường, quy hoạch, giao thông thủy... <p>Một dự án đầu tư hạ tầng bến cảng, dù không có yếu tố phức tạp về công nghệ hay mục đích sử dụng, vẫn phải trải qua quá trình đánh giá của nhiều cơ quan khác nhau khiến thời gian thông thường triển khai dự án bị chậm đáng kể. Thực tế cho thấy, chỉ riêng việc xin ý kiến của cơ quan chuyên môn về khoa học - công nghệ có thể mất khoảng 2 tháng, kéo theo việc toàn bộ hồ sơ bị “treo” trong thời gian chờ đợi.</p>	Giao một cơ quan đầu mối (UBND cấp tỉnh hoặc Bộ XD) chịu trách nhiệm tổng hợp, điều phối toàn bộ quá trình thẩm định	<p>Kiến nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết lập cơ chế một cửa liên thông thực chất. - Quy định thời hạn phản hồi tối đa cho từng cơ quan ban ngành - Chuẩn hóa danh mục nội dung xin ý kiến, tránh trùng lặp.
14.	Đất đai	TTHC liên quan quy hoạch 1/500	<p>Tại Điều 10, Nghị định 178/2025/NĐ CP v/v Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch Đô thị và Nông thôn quy định: 6.b) <i>Trước khi gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng, cơ quan tổ chức lập quy hoạch tổng mặt bằng phải thực hiện việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan (nếu có) về nội dung quy hoạch theo quy định tại Điều 37 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;</i></p> <p>Đối với dự án nằm trong Khu công nghiệp đã có Quy hoạch 1/2000, Khu công nghiệp đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư trước đó và lô đất thuộc quyền quản lý của khu công nghiệp, khi Chủ đầu tư lập Quy hoạch chi tiết 1/500 vẫn phải yêu cầu thực hiện bước lấy ý kiến cộng đồng dân cư trong khu vực xây dựng, trên thực tế thời gian thông thường hoàn thành lấy ý kiến này từ 15-20 ngày, vừa không gia tăng gì cho mục tiêu quản lý của nhà nước, vừa mất thêm thời gian của cả cơ quan nhà nước và DN, tăng chi phí tuân thủ TTHC.</p>	Tại địa phương, hiện nay TTHC này do cấp xã, phường chủ trì, đề xuất giao cho Ban QL khu công nghiệp nơi có dự án làm cấp thực hiện việc xác nhận và đánh giá này nếu cần.	<p>Kiến nghị: Đơn giản hóa TTHC bằng việc bỏ bước lấy ý kiến cộng đồng dân cư trong khu vực xây dựng để giảm thời gian cấp phép Quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500 cho dự án.</p>

15.	Đất đai	Về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	<p>Hiện nay, trong quá trình thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhà đầu tư (NĐT) thuê đất có hạ tầng trong khu công nghiệp còn phát sinh một số vướng mắc, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 7 Điều 9 Nghị định 101/2024/NĐ-CP: UBND cấp xã phối hợp, hỗ trợ đơn vị đo đạc và đơn vị giám sát, kiểm tra, nghiệm thu trong quá trình thực hiện theo thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc phương án nhiệm vụ đo đạc lập bản đồ địa chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; báo cáo UBND cấp huyện tình hình đo đạc lập bản đồ địa chính và việc quản lý, sử dụng, biến động bản đồ địa chính tại địa phương; ký xác nhận bản đồ địa chính, mảnh trích đo bản đồ địa chính theo quy định; quản lý, bảo vệ điểm địa chính trên địa bàn. Việc trích đo địa chính để cấp Giấy chứng nhận, mặc dù diện tích đất đã được cơ quan có thẩm quyền giao cho chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, tuy nhiên hồ sơ trích đo vẫn phải có xác nhận của chính quyền địa phương (cấp xã/phường), làm phát sinh thêm TTHC; - Khi thực hiện cấp Giấy chứng nhận, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu doanh nghiệp cho thuê lại đất có hạ tầng phải xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính thông qua cơ quan thuế, dẫn đến kéo dài thời gian giải quyết thủ tục. Trong khi đó, nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp đã được thực hiện theo quy định trong kỳ tài chính và việc không thực hiện đã có chế tài xử lý riêng; - Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đã được nộp qua Cổng dịch vụ công, tuy nhiên vẫn yêu cầu nộp bổ sung hồ sơ bản giấy, chưa bảo đảm đúng nguyên tắc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. 	<p>Kiến nghị: Điều chỉnh Nghị định 101/2024/NĐ-CP theo hướng cơ quan có thẩm quyền chủ động khai thác, đối chiếu thông tin về tình trạng thực hiện nghĩa vụ tài chính của nhà đầu tư với cơ quan thuế trong quá trình giải quyết hồ sơ, thay vì yêu cầu nhà đầu tư phải chờ cơ quan thuế ban hành văn bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính.</p> <p>Lý do là pháp luật hiện đã có cơ chế, chế tài để xử lý đối với trường hợp nhà đầu tư chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính. Trường hợp tiếp tục quy định theo hướng chỉ giải quyết hồ sơ sau khi có xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính của cơ quan thuế thì trên thực tế chỉ những nhà đầu tư đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ mới được tiếp tục thực hiện thủ tục, dẫn đến cơ chế kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trở nên không còn nhiều ý nghĩa trong thực tiễn áp dụng.</p> <p>Trường hợp chưa thể điều chỉnh theo hướng nêu trên, đề nghị quy định cụ thể thời hạn xử lý, phản hồi và cung cấp thông tin của cơ quan thuế trong quá trình phối hợp giải quyết thủ tục hành chính, nhằm bảo đảm tính minh bạch, khả thi và tránh kéo dài thời gian thực hiện hồ sơ của nhà đầu tư. Thực hiện đầy đủ việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ điện tử; bãi bỏ yêu cầu nộp hồ sơ bản giấy đối với hồ sơ đã được nộp hợp lệ qua Cổng dịch vụ công.</p>
-----	---------	--	--	--

16.	Thuế	Quy định áp dụng và khấu trừ thuế giá trị gia tăng (GTGT)	<p>Hiệp hội Gỗ Lâm sản Việt Nam phản ánh trường hợp mặt hàng gỗ sơ chế thông thường nhận được hai cách hướng dẫn khác nhau trong quá trình thực hiện luật thuế GTGT khi Chính phủ ban hành Nghị định 359/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 và bổ sung một số điều của Nghị định 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết thuế GTGT đối với mặt hàng gỗ qua sơ chế thông thường có hiệu lực từ ngày 01/01/2026. Cụ thể, trong quá trình thực hiện quy định mới về thuế GTGT, doanh nghiệp nhận được công văn số 534/PTH-NVDTPC ngày 06/2/2026 của Thuế tỉnh Phú Thọ hướng dẫn áp dụng thuế suất đối với mặt hàng gỗ sơ chế thông thường theo đó, trong một số trường hợp khi doanh nghiệp thu mua gỗ sơ chế để đưa vào sản xuất, hoặc chỉ qua sơ chế thương thường khi bán ra phải áp dụng thuế suất thuế GTGT 10%. Tuy nhiên, sau đó tại Công văn số 949/CT-CS ngày 10/02/2026 của Bộ Tài chính - Cục Thuế, cùng nội dung nêu trên lại được hướng dẫn thuộc đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT. Chính sự không thống nhất này dẫn đến việc các nhà cung cấp tại Phú Thọ hiện đang xuất hóa đơn cho một số doanh nghiệp ngành gỗ với thuế suất 8% (theo chính sách giảm thuế), trong khi cách hiệu và hướng dẫn lại không đồng nhất về bản chất chịu thuế.</p> <p>Cũng theo phản ánh của Hiệp hội Cơ khí điện TP.HCM, cùng một mặt hàng nhưng có nơi được hướng dẫn áp dụng VAT 8%, có nơi 10%; trong trường hợp doanh nghiệp mua đầu vào theo mức 10% nhưng đầu ra áp dụng 8%, khi cơ quan thuế kiểm tra có thể bị loại phân chênh lệch và xử phạt, gây thiệt hại cho doanh nghiệp.</p>	<p>Kiến nghị: Bộ Tài chính - Cục Thuế: ban hành hướng dẫn thống nhất trên phạm vi toàn quốc đối với các mặt hàng, nhóm hàng hiện còn có cách hiểu khác nhau; đồng thời làm rõ các khái niệm pháp lý còn chưa cụ thể trong quy định hiện hành, bảo đảm doanh nghiệp có thể xác định đúng nghĩa vụ thuế ngay từ đầu và cơ quan thuế địa phương có căn cứ thực thi thống nhất. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm rõ khái niệm tại khoản 1b Điều 1 Nghị định 359/2025/NĐ-CP: “Khâu kinh doanh thương mại”, “Các tổ chức, cá nhân khác”. - Ban hành hướng dẫn thống nhất quy định về thuế GTGT đối với mặt hàng được hưởng VAT 8% hay 10% trên toàn quốc nhằm tránh cách hiểu khác nhau giữa các địa phương.
17.	Thuế	Quy định áp dụng và khấu trừ thuế GTGT	<p>Theo phản ánh của một số hiệp hội, trong nhiều trường hợp doanh nghiệp mua đã thực hiện giao dịch thực tế, có đầy đủ hóa đơn, chứng từ và thanh toán hợp lệ, nhưng vẫn không được chấp nhận khấu trừ VAT đầu vào hoặc bị loại chi phí chỉ vì tình trạng pháp lý phát sinh sau đó của bên bán (ngừng hoạt động, thay đổi địa chỉ hoặc bị xác định là</p>	<p>Kiến nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan thuế ban hành hướng dẫn thống nhất theo hướng bảo vệ doanh nghiệp trong trường hợp chứng minh được giao dịch là có thật, hồ sơ hợp lệ và thanh toán đúng quy định;

			doanh nghiệp “rủi ro” (bỏ trốn)), mặc dù doanh nghiệp mua không vi phạm và không có khả năng kiểm soát tình trạng pháp lý của bên bán tại thời điểm phát sinh giao dịch.		- Tăng cường quản lý rủi ro từ phía cơ quan chức năng đối với doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm, thay vì chuyển phần lớn hệ quả rủi ro sang bên mua. Cơ quan thuế khi xác định DN nào có rủi ro cần khóa mã số thuế và không cho xuất hóa đơn.
18.	Thuế	Quy định kê khai, nộp thuế đối với giao dịch thu mua phế liệu/chất thải tái chế từ cá nhân, hộ gia đình	Hiệp hội Nhựa Việt Nam phản ánh hiện nay cá nhân, hộ gia đình thu gom, phân loại, sơ chế chất thải chủ yếu hoạt động trong khu vực phi chính thức, không có khả năng thực hiện đầy đủ thủ tục thuế, hóa đơn, chứng từ. Trong khi đó, doanh nghiệp tái chế khi thu mua từ nhóm này gặp khó khăn trong việc chứng minh tính hợp pháp của đầu vào. Theo quy định hiện hành và các nội dung đang được đề xuất về khai thuế thay, nộp thuế thay, phạm vi áp dụng chủ yếu mới dừng ở một số trường hợp như thương mại điện tử, đại lý, hợp tác kinh doanh với cá nhân, thuê tài sản, chuyển nhượng bất động sản, tài sản bảo đảm...; chưa có cơ chế rõ ràng cho trường hợp cá nhân, hộ gia đình thu gom phế liệu bán hàng cho doanh nghiệp tái chế. Trong khi ở Việt Nam, trong bối cảnh chưa triển khai phân loại rác tại nguồn một cách phổ biến, đầy đủ thì đây vẫn là lực lượng và phương thức thu gom tái chế chủ yếu.		Kiến nghị: Cho phép tổ chức khai và nộp thuế thay cho cá nhân ve chai, hộ gia đình thu gom, phân loại, sơ chế chất thải theo Khoản 18, Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường 2020.
19.	Thuế	Hoàn thuế GTGT	Theo quy định tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC và Công văn số 414/TCT-KK, người nộp thuế được phép kê khai bổ sung các hóa đơn đầu vào bị bỏ sót, với điều kiện việc kê khai phải được thực hiện trước khi cơ quan thuế hoặc cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế. Tuy nhiên, trong quá trình kiểm tra hồ sơ hoàn thuế GTGT, cán bộ thuế lại loại bỏ các hóa đơn này với lý do “hóa đơn không thuộc kỳ hoàn”, đồng thời chuyển sang khấu trừ mà không có hướng dẫn cụ thể về thời điểm được khấu trừ hoặc cách thức xử lý tiếp theo.		Kiến nghị: Bộ Tài chính cho phép hoàn thuế GTGT các hóa đơn không thuộc kỳ hoàn nếu đáp ứng đủ điều kiện khấu trừ thuế, nhằm đảm bảo quyền lợi của DN, vì trong kinh doanh có rất nhiều tình huống phát sinh với nhiều lý do khách quan.

20.	Thuế	Hoàn thuế GTGT	<p>Phản ánh từ Hiệp hội Cao su, Hiệp hội Gỗ: nhiều doanh nghiệp trong ngành gặp vướng mắc, khó khăn trong việc hoàn thuế GTGT với số tiền khá lớn tại các cơ quan thuế. Doanh nghiệp phải ứng hoặc vay vốn để nộp tiền thuế VAT khi mua hàng, trong khi thời gian hoàn thuế kéo dài. Không chỉ tạo áp lực dòng tiền cho doanh nghiệp trong bối cảnh giá không ổn định, nhu cầu chậm, nhiều doanh nghiệp đã phải ngừng hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng. Thủ tục hoàn thuế giá trị gia tăng phức tạp, thời gian kéo dài. Một số DN hội viên phản ánh rằng số tiền chưa được hoàn thuế GTGT của năm 2023 và từ đầu năm 2026 đến nay đang bị ứ đọng rất lớn, doanh nghiệp sẽ không thể trụ được nếu kéo dài tình trạng này. Ngoài ra, DN xuất khẩu thuế 0% phải chờ hoàn thuế nhiều tháng khiến dòng tiền bị kẹt, không quay vòng được vốn.</p>	<p>Kiến nghị: Việc phân loại hồ sơ hoàn thuế được thực hiện đúng theo quy định của văn bản pháp luật tại điểm a, mục 1, khoản 18, Điều 1, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012, cụ thể là: “Hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau là hồ sơ của người nộp thuế có quá trình chấp hành tốt pháp luật về thuế và các giao dịch được thanh toán qua ngân hàng theo quy định của pháp luật”.</p> <p>Đối với các trường hợp thuộc diện kiểm tra trước khi hoàn thuế (quy định tại điểm b, mục 1, khoản 18, Điều 1, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012), thì chỉ yêu cầu kiểm tra đến doanh nghiệp bán hàng cho doanh nghiệp xuất khẩu và nếu các doanh nghiệp này đã kê khai thuế hàng tháng và nộp thuế GTGT theo đúng quy định pháp luật thì chấp nhận cho doanh nghiệp xuất khẩu được hoàn thuế GTGT. Mặt khác cần quy định rõ thời gian xử lý hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng trong các văn bản quy định của pháp luật có liên quan để cơ quan thuế chấp hành và doanh nghiệp có kế hoạch tài chính phù hợp.</p>
-----	------	----------------	--	--

21.	Thuế	Hoàn thuế GTGT	<p>Phản ánh từ doanh nghiệp cho biết: Cục thuế thông tin cho DN phải ưu tiên quyết toán thuế những DN nào nhiều rủi ro. Vì vậy, những DN “ít rủi ro” phải chờ lâu, thời gian quyết toán thuế bị kéo dài nhiều năm. Khi kiểm tra muộn, các sai sót hoặc rủi ro khách quan tích tụ khiến mức truy thu và xử phạt trở nên rất lớn. Đặc biệt, DN không thể biết trước đối tác nào sẽ bỏ trốn hoặc ngừng hoạt động tại thời điểm giao dịch. Do đó, việc cơ quan Thuế tiến hành quyết toán thuế quá lâu đã vô tình đẩy DN vào tình thế bị phạt nặng, dù không hề có hành vi gian lận.</p>		<p>Kiến nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện cơ chế kiểm tra quyết toán thuế cho DN hai năm một lần. - Nếu cơ quan thuế chậm kiểm tra quyết toán thuế thì không được tính tiền chậm nộp cho những năm bị chậm trễ. Ví dụ: tháng 12/2025, cơ quan thuế mới thực hiện kiểm tra niên độ 2017 - 2020 thì không được tính tiền chậm nộp lần lượt từ năm 2017 - 2020 cho đến tháng 12/2025 - Cho phép DN có nguyện vọng được áp dụng phương pháp "Kiểm trước - Hoàn sau" trong trường hợp DN muốn đảm bảo minh bạch và an toàn tài chính ngay từ đầu.
22.	Thuế	Phạt kê khai thiếu Phụ lục Giao dịch liên kết (do có giao dịch vay ngân hàng)	<p>Theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP: “Giao dịch liên kết” có thể bao gồm các quan hệ vay vốn nếu thỏa mãn tiêu chí liên kết (trực tiếp hoặc gián tiếp). Kể từ ngày 27/3/2025, Nghị định 20/2025/NĐ-CP có hiệu lực đã bãi bỏ quy định xác định vay ngân hàng trực tiếp là giao dịch liên kết (do thực tiễn bắt cập từ quy định này). Tuy nhiên, DN gặp phải tình trạng bị truy thu, xử phạt do thiếu kê khai phụ lục dịch liên kết khi vay vốn ngân hàng giai đoạn trước thời điểm Nghị định 20/2025 có hiệu lực.</p>		<p>Kiến nghị: Không truy thu và xóa bỏ các quyết định xử phạt về nội dung “không kê khai phụ lục giao dịch liên kết khi vay vốn ngân hàng” cho doanh nghiệp đối với các năm trước thời điểm Nghị định 20/2025 có hiệu lực.</p>

23.	Xây dựng	Quy định thời gian cấp phép các dự án xây dựng Kho trang bị điện áp mái, dự án chung về kỹ thuật như nhập khẩu xe điện, và các loại Giấy phép nhập khẩu chuyên ngành khác	<p>Liên quan đến việc xin phép các dự án xây dựng Kho trang bị điện áp mái, dự án chung về kỹ thuật như nhập khẩu xe điện, và các loại Giấy phép nhập khẩu chuyên ngành khác: Mặc dù trên quy định, mỗi cơ quan đều có quy định thời gian trả lời cho doanh nghiệp - nhưng thực tế hiện nay có tình trạng các cơ quan đùn đẩy trách nhiệm qua lại và tổng thời gian xin phép có thể kéo dài gần hơn rất nhiều so với quy định (thậm chí có trường hợp DN phải đi lại 3-5 lần mới xong).</p> <p>Việc phân quyền cho địa phương nhưng không quy định tổng thời gian sẽ tiếp tục gây khó khăn cho doanh nghiệp - vì một số địa phương hiện tại năng lực cán bộ chưa đáp ứng, tâm lý sợ trách nhiệm, dẫn đến tình trạng nhiều công văn đi hỏi hướng dẫn làm tăng khối lượng và thời gian xử lý của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và bộ, trong khi kéo dài thời gian chờ đợi của doanh nghiệp.</p>		<p>Kiến nghị: Chính phủ chỉ đạo rà soát và làm rõ về tổng thời gian thực hiện TTHC từ lúc doanh nghiệp nộp hồ sơ cho đến lúc ra giấy phép và cơ quan chủ trì /đầu mối trong các TTHC có tính chất phối hợp nhiều bên có trách nhiệm đảm bảo tất cả các cơ quan phối hợp tốt theo số ngày quy định. Trường hợp cơ quan phối hợp hoặc cơ quan đầu mối vi phạm thời gian hạn định cần chế tài rõ để không đẩy rủi ro cho doanh nghiệp, đảm bảo phù hợp với tinh thần "lấy người dân, DN làm trung tâm".</p>
24.	Xây dựng	Giấy phép cải tạo công trình	<p>Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 đã có nhiều điểm đổi mới quan trọng theo hướng cải cách thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp, phân quyền và thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý hoạt động xây dựng. Tuy nhiên, qua thực tiễn triển khai cho thấy, việc cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực xây dựng vẫn chưa đạt yêu cầu đề ra; một số nội dung chưa được cắt giảm triệt để, còn tồn tại các yếu tố mang tính tiền kiểm, cụ thể như sau: Đối với các hạng mục cải tạo nhỏ trong nhà xưởng không ảnh hưởng đến kết cấu, không ảnh hưởng đến hệ thống PCCC và không thuộc diện phải xin giấy phép xây dựng, việc một số địa phương như Hải Phòng, Bắc Ninh vẫn yêu cầu doanh nghiệp phải xin giấy phép cải tạo là chưa thống nhất trong cách hiểu và áp dụng pháp luật, gây khó khăn và làm tăng thêm thủ tục cho doanh nghiệp.</p>		<p>Kiến nghị: Bãi bỏ yêu cầu xin giấy phép cải tạo đối với các trường hợp cải tạo nhỏ không ảnh hưởng đến kết cấu công trình và hệ thống kỹ thuật; đồng thời ban hành hướng dẫn thống nhất để các địa phương áp dụng đồng bộ, tránh phát sinh thêm thủ tục không cần thiết.</p>
25.	Xây dựng	Thẩm định thiết kế xây dựng	<p>Theo thực tiễn triển khai Luật Xây dựng số 135/2025/QH15, công tác thẩm định vẫn được áp dụng trên phạm vi rộng, chưa thực sự phân loại theo mức độ rủi ro.</p>		<p>Kiến nghị: Thu hẹp phạm vi đối tượng phải thực hiện thẩm định thiết kế xây dựng. Bãi bỏ quy định thẩm định đối với công trình cấp II, cấp III, cấp IV, bãi bỏ</p>

					thẩm định đối với dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước.
26.	Xây dựng	Cấp giấy phép xây dựng	Theo thực tiễn triển khai Luật Xây dựng số 135/2025/QH15, thủ tục cấp giấy phép xây dựng chưa được bãi bỏ đáng kể, vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong quá trình chuẩn bị đầu tư.		Kiến nghị: Bãi bỏ yêu cầu cấp phép đối với công trình đã có quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt. Bãi bỏ thủ tục điều chỉnh giấy phép xây dựng, chuyển sang cơ chế tự điều chỉnh gắn với trách nhiệm của chủ đầu tư.
27.	Xây dựng	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	Theo thực tiễn triển khai Luật Xây dựng số 135/2025/QH15, Quy định về chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng, chứng chỉ hành nghề vẫn được duy trì như điều kiện kinh doanh, làm phát sinh chi phí tuân thủ.		Kiến nghị: Bãi bỏ quy định về chứng chỉ hành nghề xây dựng và quy định về chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng. Chuyển sang cơ chế tự công bố năng lực và tăng cường hậu kiểm của cơ quan quản lý nhà nước.
28.	Xây dựng	Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	Theo thực tiễn triển khai Luật Xây dựng số 135/2025/QH15, hoạt động kiểm tra công tác nghiệm thu công trình còn nặng nề về tiền kiểm, chưa chuyển mạnh sang cơ chế hậu kiểm.		Kiến nghị: Bãi bỏ quy định kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan nhà nước đối với công trình cấp III, cấp IV, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm. Tăng cường trách nhiệm của chủ đầu tư và các chủ thể tham gia đảm bảo chất lượng công trình.
29.	Phòng cháy chữa cháy (PCCC)	Xác định lại chủ đầu tư thực hiện thẩm duyệt thiết kế về PCCC	Trong thực tế, bên cho thuê nhà xưởng đã thực hiện đầu tư, trang bị hệ thống phòng cháy, chữa cháy cơ bản cho nhà xưởng trên cơ sở thiết kế xưởng trống , chưa phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh cụ thể. Sau đó, bên thuê nhà xưởng phải tiếp tục thực hiện các thủ tục liên quan đến thẩm duyệt thiết kế về PCCC phù hợp với ngành nghề hoạt động thực tế của mình. Tuy nhiên, theo Mục 6.3 Công văn số 2075/C07-P4 ngày 09/8/2022 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH, đối với trường hợp cá nhân hoặc tổ chức thuê lại một phần nhà, công trình để cải tạo, chuyển đổi công năng và sử dụng chung hạ tầng như đường giao thông, bãi đỗ xe chữa cháy, hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà, trạm bơm, bể cấp nước chữa cháy thì		Kiến nghị: Xác định lại đối tượng là chủ đầu tư thực hiện thủ tục thẩm duyệt thiết kế PCCC trên cơ sở thực tế đầu tư, cải tạo và vận hành. Theo đó, đối với phần cải tạo, sửa chữa phục vụ hoạt động của bên thuê và gắn với dự án đầu tư của bên thuê, cần xác định bên thuê là chủ đầu tư, chịu trách nhiệm trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các yêu cầu cải tạo, sửa chữa liên quan đến PCCC của mình.

			<p>chủ đầu tư đề nghị thẩm duyệt thiết kế về PCCC được xác định là bên cho thuê.</p> <p>Doanh nghiệp cho rằng cách xác định này chưa phù hợp với thực tiễn vì: (i) toàn bộ công tác chuẩn bị như sửa chữa, cải tạo nhà xưởng là do bên thuê thuê đơn vị tư vấn có chức năng hoạt động PCCC thực hiện thiết kế, cải tạo và tự chi trả toàn bộ chi phí; do đó, bên thuê mới chính là chủ thể đầu tư thực tế đối với các hạng mục cải tạo này, còn việc xác định bên cho thuê là chủ đầu tư cũng không phù hợp về mặt hạch toán kế toán; (ii) các yêu cầu sửa chữa, cải tạo phát sinh từ yêu cầu kỹ thuật, đặc thù hoạt động của từng bên thuê, và sau khi hoàn thành thì các hạng mục này gần như hoàn toàn do bên thuê trực tiếp vận hành, quản lý; (iii) bên cho thuê không trực tiếp quản lý, vận hành nhà xưởng đã cho thuê, không được đi vào trong tài sản đã cho thuê khi không cần thiết, đồng thời không nắm được đặc thù hoạt động sản xuất, thiết kế, kỹ thuật, yêu cầu cải tạo PCCC chuyên biệt của từng bên thuê.</p>		
30.	PCCC	TTHC liên quan đến lĩnh vực PCCC	<p>Tại Điều 15 Nghị định 105/2025 ND-CP ngày 15/5/2025, Quy định thẩm quyền của Cục Cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ đối với:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án, công trình quan trọng quốc gia. - Dự án, công trình có quy mô đặc biệt lớn (thường kèm theo chỉ diện tích hoặc vốn đầu tư nhóm A). - Nhà có chiều cao trên 150 m. - Công trình xây dựng trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên. <p>Quy định thẩm quyền của Phòng Cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ cấp tỉnh (PC07) đối với các dự án, công trình còn lại trên địa bàn quản lý (bao gồm các nhà cao tầng từ 150 m trở xuống).</p>	<p>Kiến nghị: Các công trình nhà cao tầng dưới 150 mét đã được Cục Cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ thẩm định trước đây đang triển khai dự án chưa nghiệm thu đưa vào sử dụng thì ủy quyền cho các Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ</p>	

				cấp tỉnh (PC07) thẩm định điều chỉnh (nếu có) và tổ chức kiểm tra nghiệm thu PCCC.	
31.	PCCC	TTHC Cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy	Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa công tác kiểm định thiết bị PCCC: Đề xuất Bộ Công an mở rộng đánh giá năng lực để cho phép các phòng thí nghiệm, tổ chức kiểm định tư nhân có năng lực (đạt chuẩn quốc tế) thực hiện kiểm tra chất lượng. Điều này tạo ra sự cạnh tranh và minh bạch, giúp Nhà đầu tư có thêm lựa chọn tin cậy.		Kiến nghị: Cho phép các phòng thí nghiệm, tổ chức kiểm định tư nhân có năng lực (đạt chuẩn quốc tế) thực hiện kiểm tra/kiểm định chất lượng thiết bị PCCC.
32.	Giải thể	TTHC liên quan đến Giải thể	Quy trình thủ tục liên quan đến giải thể hoặc tạm ngừng kinh doanh hiện đang là một trong những rào cản lớn đối với các DN, đặc biệt là những DNNVV. DN cho biết quy trình thủ tục liên quan đến giải thể hoặc tạm ngừng kinh doanh kéo dài và phức tạp hơn so với thủ tục thành lập DN. Sự phức tạp này xuất phát từ việc các cơ quan quản lý chưa đồng bộ và không thống nhất về quy trình xử lý, một số chi cục thuế yêu cầu DN phải khôi phục hoạt động để đóng mã số thuế , mặc dù Cục Thuế không yêu cầu điều này. Điều này dẫn đến tình trạng DN phải mất thêm thời		Kiến nghị: Rà soát để đồng bộ các quy định, liên thông dữ liệu giữa các cơ quan liên quan nhằm chuẩn hóa quy định TTHC về giải thể DN.

			gian và chi phí để thực hiện các báo cáo thuế và các thủ tục khác, ngay cả khi DN không còn hoạt động.		
33.	Khoa học công nghệ (KH-CN)	Quy trình nhập khẩu các thiết bị linh kiện UAV	<p>Quy trình xin nhập khẩu các thiết bị linh kiện UAV được quy định tại Điều 5, 6, 7, 8 của Nghị định 288/2025/NĐ-CP, trong đó UBND tỉnh có quyền cấp phép nhập khẩu mua trang thiết bị linh kiện UAV cho doanh nghiệp sau khi có ý kiến của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an, nhưng trên thực tế quy trình và hồ sơ xin nhập khẩu rất phức tạp, cụ thể:</p> <p>Bước 1: Các doanh nghiệp nhập khẩu phải gửi hồ sơ đề nghị cấp phép nhập khẩu tại UBND cấp tỉnh với rất nhiều giấy tờ.</p> <p>Bước 2: UBND cấp tỉnh chuyển hồ sơ sang Sở Công thương làm đầu mối giải quyết thủ tục xin nhập khẩu</p> <p>Bước 3: Sở Công thương gửi Bộ Công an và Cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng Bộ tổng tham mưu (Bộ Quốc phòng)</p> <p>Bước 4: Khi có đủ câu trả lời của cả hai bộ thì Ban chỉ huy quân sự thành phố xét điều kiện kinh doanh và ở khâu này Ban chỉ huy quân sự sẽ lại gửi công an tỉnh/thành phố xác minh xem doanh nghiệp có vướng, vi phạm gì không.</p> <p>Bước 5: Ban chỉ huy quân sự thành phố phản hồi lại Sở Công thương, sau đó Sở Công thương sẽ cấp giấy phép nhập khẩu.</p> <p>Bước 6: Doanh nghiệp sử dụng giấy phép nhập khẩu kèm giấy phép của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng cùng Giấy đo kiểm tần số và chất lượng của Bộ Khoa học Công nghệ để đi làm nhập khẩu với Cơ quan hải quan.</p>		<p>Kiến nghị: Đối với trường hợp nhập khẩu phục vụ thương mại với quy mô lớn, quy trình cấp phép cần được tối ưu hóa theo hướng xác định rõ nội dung nào cần quản lý chặt và nội dung nào có thể đơn giản hóa, từ đó thiết kế cơ chế quản lý phù hợp theo từng giai đoạn của lộ trình phát triển ngành.</p> <p>Trong thực tế nhiều linh kiện và bộ phận cấu thành hiện vẫn phải nhập khẩu để phục vụ hoạt động lắp ráp và sản xuất trong nước do Việt Nam chưa có năng lực sản xuất các linh kiện này. Vì vậy, cần phân loại rõ nhóm linh kiện đầu vào phục vụ sản xuất để áp dụng cơ chế quản lý linh hoạt hơn, tránh gây gián đoạn chuỗi cung ứng và làm tăng chi phí cho doanh nghiệp trong nước. Ngoài ra, cơ chế cấp phép nhập khẩu cũng cần được xem xét theo hướng quản lý theo model sản phẩm thay vì theo từng lô nhập khẩu. Nếu doanh nghiệp phải xin cấp phép cho từng lần nhập đối với cùng một model sản</p>

			<p>Theo quy định, doanh nghiệp mất 11 ngày làm việc (nếu đầy đủ hồ sơ theo quy định) sẽ được cấp phép nhập khẩu linh kiện. Tuy nhiên, với các bước và quy trình thực tế như trên, doanh nghiệp cần nhiều tháng để giải quyết vấn đề giấy phép nhập khẩu.</p>		<p>phẩm thì sẽ phát sinh nhiều TTHC không cần thiết. Việc quản lý theo model sẽ giúp giảm gánh nặng thủ tục hành chính, đồng thời vẫn đảm bảo yêu cầu kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước.</p>
34.	KHCN	<p>Quy định điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện bay không người lái (UAV)</p>	<p>Theo điểm c, khoản 1, Điều 10 của Nghị định số 288/2025/NĐ-CP về Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay; trình tự thủ tục ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với phương tiện bay, doanh nghiệp muốn cung cấp dịch vụ sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện bay không người lái (UAV) phải có ít nhất 03 nhân sự được đào tạo chuyên ngành kỹ thuật hàng không. Tuy nhiên, quy định này chưa thật sự phù hợp với thực tiễn phát triển của lĩnh vực UAV.</p> <p>Trên thực tế, các kỹ sư hàng không truyền thống chưa chắc đã có chuyên môn sát với công nghệ UAV, trong khi đội ngũ kỹ sư UAV hiện nay thường xuất phát từ nhiều ngành kỹ thuật khác nhau như khí động học/cơ lưu trác, công nghệ thông tin (thiết kế phần mềm và điều khiển), điện - điện tử, cơ điện tử... Đây mới là các chuyên môn trực tiếp liên quan đến thiết kế, vận hành và sửa chữa UAV. Do đó, việc chỉ giới hạn nhân sự ở chuyên ngành kỹ thuật hàng không (mã ngành 7520120) có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc đáp ứng điều kiện nhân lực, đồng thời chưa phản ánh đúng đặc thù công nghệ liên ngành của lĩnh vực UAV.</p>		<p>Kiến nghị: Mở rộng chuyên ngành đào tạo liên quan như khí động học/cơ lưu trác, công nghệ thông tin (thiết kế phần mềm và điều khiển), điện - điện tử, cơ điện tử... đối với yêu cầu về nhân sự bắt buộc của DN cung cấp dịch vụ sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện bay không người lái (UAV).</p>

35.	KHCHN	Quy định điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện bay không người lái (UAV)	<p>Tại điểm e, khoản 1, Điều 10 của Nghị định 288/2025/NĐ-CP, doanh nghiệp phải cung cấp danh mục loại phương tiện bay được sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng cùng các hồ sơ kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Quốc phòng ban hành hoặc tiêu chuẩn cơ sở được Bộ Quốc phòng công nhận. Điều này trên thực tế đồng nghĩa với việc doanh nghiệp muốn thực hiện hoạt động sửa chữa UAV phải được Cục Công nghiệp - Bộ Quốc phòng cấp phép đạt tiêu chuẩn sửa chữa. Tuy nhiên, cơ chế quản lý này còn gặp nhiều vướng mắc trong bối cảnh Việt Nam hiện chưa có hệ thống đào tạo chuyên biệt về sửa chữa UAV. Trong thực tế, các quy trình sửa chữa, bảo dưỡng hoặc nâng cấp thiết bị thường do chính các hãng sản xuất UAV cung cấp hướng dẫn kỹ thuật và tiêu chuẩn vận hành. Vì vậy, việc yêu cầu doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật do cơ quan quản lý ban hành, trong khi hệ sinh thái đào tạo và tiêu chuẩn kỹ thuật trong nước chưa hoàn thiện, có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp và làm hạn chế sự phát triển của ngành công nghiệp UAV.</p>	<p>Kiến nghị: Điều chỉnh cách thức quản lý theo hướng xác định rõ các rủi ro cần kiểm soát và thiết kế cơ chế quản lý phù hợp hơn với thực tiễn công nghệ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực sản xuất, sửa chữa và phát triển UAV.</p>
-----	-------	---	---	--

36.	KHCHN	<p>Quy định về việc xác định chi phí liên quan đến hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp</p>	<p>Để xác định chi phí liên quan đến hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp, Doanh nghiệp phải tham chiếu đồng thời nhiều văn bản pháp luật có sự chồng chéo, không rõ ràng giữa các quy định như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật thuế TNDN số 67/2025/QH15 ngày 14/06/2025; - Nghị định: 320/NĐ- CP ngày 15/12/2025 thi hành luật thuế số 67 trên; - Luật khoa học Công nghệ và ĐMST số 93/2025/QH15 - Nghị định 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 thi hành một số điều về Luật khoa học Công nghệ và ĐMST số 93/2025/QH15. <p>Trong đó, Nghị định 320 quy định điều kiện chi phí được trừ về mặt thuế, trong khi Nghị định 265 lại quy định chi tiết về nội dung chi và hồ sơ của hoạt động R&D; nhưng hiện chưa có hướng dẫn liên thông giữa hai hệ thống quy định này, khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc xác định hồ sơ và thủ tục cần thiết để chứng minh chi phí R&D hợp lệ.</p> <p>Theo Nghị định 265/2025/NĐ-CP, khoản 2 Điều 15 quy định Hồ sơ hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo yêu cầu rất nhiều các thủ tục nhiều như: Báo cáo tiến độ, báo cáo thử nghiệm, báo cáo nghiệm thu, báo cáo kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Đặc biệt là việc chứng minh về các kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ: Kết quả nghiên cứu, đăng ký sáng chế, bài báo khoa học, giấy chứng nhận thử nghiệm, giấy chứng nhận quyền bảo hộ, sở hữu trí tuệ....</p> <p>Cách thức quản lý này tương tự cách quản lý “đề tài nghiên cứu của cơ quan nhà nước” hoặc “đề tài nghiên cứu bằng ngân sách nhà nước” nhưng không thực sự phù hợp với R&D trong doanh nghiệp nhất là các lĩnh vực công nghệ mới nổi có mức độ rủi ro nghiên cứu cao.</p>	<p>Kiến nghị: Đơn giản hóa hồ sơ thực hiện khi triển khai hoạt động chi hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ, đặc biệt là việc chứng minh kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ bởi vì nghiên cứu R&D chưa chắc đã có kết quả, tuy nhiên đây là thực tế chi phí doanh nghiệp bỏ ra. Ban hành thông tư hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định 265/NĐ-CP ngày 14/10/2025, bao gồm bao các quy trình và biểu mẫu để doanh nghiệp triển khai các bước đối với nội dung “Chi nghiên cứu phát triển Khoa học và đổi mới sáng tạo” một cách thống nhất</p>
-----	-------	--	---	--

37.	KH&CN	Quy định thủ tục hải quan đối với một số mặt hàng thiết bị công nghệ thông tin	<p>Để làm thủ tục hải quan cho các mặt hàng thiết bị công nghệ thông tin, DN nhập khẩu cần phải rà soát các văn bản pháp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Thông tin và truyền thông (nay là Bộ KH&CN) và Ban Cơ yếu Chính phủ để xác định sản phẩm có nằm trong các danh mục sau đây mới có thể tuân thủ các quy định kèm theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Danh mục sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy” được quy định tại Phụ lục I; “Danh mục sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải công bố hợp quy” được quy định tại Phụ lục II của Thông tư 04/2023/TT-BTTTT ngày 31/5/2023 của Bộ Thông tin và truyền thông; - “Danh Mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự” tại Phụ lục I; “Danh Mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép” tại Phụ lục II kèm theo Nghị định 58/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 53/2018/NĐ-CP). <p>Trong thực tiễn, một số sản phẩm có thể đồng thời thuộc phạm vi điều chỉnh của cả hai hệ thống quản lý dẫn đến khó khăn trong việc xác định nghĩa vụ tuân thủ. Nguyên nhân chủ yếu là do chưa có tiêu chí phân định rõ ràng giữa các nhóm sản phẩm theo chức năng quản lý chuyên ngành.</p>		<p>Kiến nghị: Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ KH&CN, Ban Cơ yếu Chính phủ phối hợp nghiên cứu, sửa đổi các văn bản hướng dẫn phân loại các danh mục sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành theo hướng: làm rõ các tiêu chí phân loại theo chuyên ngành quản lý đối với cùng một mặt hàng sản phẩm.</p>
38.	An toàn thực phẩm (ATTP)	Cấp, Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu Thực hành sản xuất tốt (GMP) thực phẩm bảo vệ sức khỏe	<p>Theo phản ánh của DN, đã nhiều tháng Cục An toàn thực phẩm (ATTP) không cấp giấy GMP, kể cả gia hạn giấy phép GMP đã cấp cho các cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe. Hiện nay có rất nhiều cơ sở phải đóng cửa vì Giấy chứng nhận GMP hết hạn mà chưa ra hạn được. Số liệu về số lượng các cơ sở hết hạn giấy phép thì Cục ATTP đều nắm rõ các thông tin này. Doanh nghiệp nhận được phản hồi không chính thức từ cơ quan chức năng là chưa được cấp, cấp lại vì Cục không có đủ cán bộ chuyên môn. Các doanh nghiệp bị đóng cửa gây thiệt hại kinh tế lớn như người lao động không có việc làm, doanh nghiệp không trả hàng theo các đơn đặt hàng bị phạt hợp đồng, với doanh</p>		<p>Kiến nghị: GMP là chứng chỉ thuộc về kỹ thuật, nên giao tổ chức độc lập, được công nhận có đủ năng lực tiến hành đánh giá và cấp giấy chứng nhận GMP. Cơ quan quản lý giám sát bằng hậu kiểm. Về thực tiễn thì chứng chỉ ISO, và nhiều chứng chỉ khác cũng đã được các tổ chức độc lập thẩm định các DN và ra chứng nhận.</p>

			<p>ngành vẫn đang trong quá trình chưa hoàn vốn phải vay nợ thì không có khả năng trả nợ.</p>		
39.	ATTP	<p>Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước</p>	<p>Về thủ tục Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe, Phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới, phụ gia thực phẩm không thuộc trong danh mục phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm hoặc không đúng đối tượng sử dụng do Bộ Y tế quy định: Cục ATTP không cấp đăng ký cho bất cứ hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm thực phẩm nào trong nhiều tháng qua, điều này khiến sản xuất kinh doanh của DN bị đình trệ.</p>		<p>Kiến nghị: Bên cạnh việc hậu kiểm về doanh nghiệp, hậu kiểm về chất lượng sản phẩm thực phẩm, cơ quan Nhà nước cấp trên cần hậu kiểm cả việc cấp phép. Trường hợp cơ quan chức năng tiếp tục không cấp đăng ký, hoặc yêu cầu bổ sung nhiều lần, mỗi lần lại có nội dung mới không liên quan, hoặc từ chối cấp đăng ký mà không cho bổ sung dù hồ sơ (mặc dù hồ sơ chỉ có thiếu sót nhỏ) hoặc thời gian xử lý hồ sơ dài hơn quy định...thì cần quy trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan.</p>
40.	ATTP	<p>Dự thảo Luật An toàn thực phẩm sửa đổi</p>	<p>Cộng đồng doanh nghiệp thực phẩm rất lo lắng khi Dự thảo Luật An toàn thực phẩm sửa đổi vẫn có xu hướng giữ các quy định nặng nề và lạc hậu về tiền kiểm trong Nghị định 46/2026/NĐ-CP và thủ tục đăng ký thực phẩm phức tạp như dược phẩm trong Nghị quyết 66.13/2026/NQ-CP. Nếu không quyết liệt cắt bỏ trong Luật, sẽ lại gây vướng mắc lớn trong thời gian tới. Cụ thể: - Nghị định 46/2026/NĐ-CP yêu cầu tiền kiểm 100% hàng nhập khẩu. Nghị định 15 trước đó chỉ yêu cầu kiểm tra nếu có nghi ngờ theo quản lý rủi ro. (Nghị định 15 trước đó chỉ yêu cầu kiểm tra nếu có nghi ngờ theo quản lý rủi ro): - Nghị quyết 66.13/NQ-CP yêu cầu hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh</p>		<p>Kiến nghị: Chính phủ chỉ đạo Bộ Y tế khi sửa Luật ATTP và Nghị định hướng dẫn thi hành phải chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm, cắt giảm thủ tục hành chính, áp dụng quản lý rủi ro đúng theo chỉ đạo trong các Nghị quyết 68 và 72/NQ-TW, nêu cụ thể những kết quả đạt được; đồng thời Bộ cần có kế hoạch cụ thể để nâng cao chất lượng hậu kiểm, lực lượng làm công tác hậu kiểm nhằm đáp ứng thực tiễn và mục tiêu quản lý nhà nước đã đề ra.</p>

			<p>duỡng y học, thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, thực phẩm bổ sung rất phức tạp giống như đăng ký thuốc. Nếu theo quy định trong NQ này thì ước tính nếu thực phẩm có hạn dùng 2-3 năm thì sẽ phải mất ít nhất 3-4 năm để đăng ký (2-3 năm để nghiên cứu độ ổn định với chi phí hàng trăm triệu đến hàng tỷ đồng cho 1 sản phẩm + 1 năm để chuẩn bị các loại hồ sơ và đăng ký), trong khi chỉ cho 1-2 năm để chuyển tiếp. Ví dụ cụ thể, nếu theo quy trình này sẽ mất ít nhất 2 năm cả nước sẽ không có muối, dầu ăn để ăn (vì dầu ăn và muối ăn phải bổ sung iod và vitamin A), cũng như không có nhiều loại thực phẩm quan trọng khác để ăn như sữa cho trẻ em, vì DN phải ngừng sản xuất do giấy phép sản phẩm hết hiệu lực. Sau 3-4 năm mới được sản xuất tiếp thì giá thành sản phẩm sẽ tăng lên rất nhiều; và do mất 3-4 năm để đưa sản phẩm mới ra thị trường, kể cả chỉ thay đổi nhỏ như tăng giảm độ ngọt, thay đổi hương vị, hàng Việt nam sẽ mất lợi thế cạnh tranh do chậm đáp ứng nhu cầu thị trường. Ngoài ra, năng lực kiểm nghiệm của Việt Nam còn thấp, sẽ không thể đáp ứng yêu cầu kiểm nghiệm tăng rất cao do các yêu cầu mới này, dẫn đến tắc nghẽn. Thêm vào đó, kiểm tra các hồ sơ này chỉ là tiền kiểm trên giấy tờ, nên rất ít có giá trị trên thực tiễn.</p>		<p>Thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm đối với thực phẩm về hồ sơ kỹ thuật chỉ cần chỉ tiêu an toàn và chất lượng, số hiệu phương pháp kiểm nghiệm cùng phiếu kiểm nghiệm (bổ sung kiểm tra chỉ tiêu chất lượng so với Nghị định 15/2018/NĐ-CP); và bằng chứng khoa học nếu có công bố công dụng với sức khỏe. Bằng chứng khoa học là các thông tin, tài liệu khoa học từ các công trình nghiên cứu khoa học được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về nghiên cứu khoa học nghiệm thu hoặc được các tạp chí khoa học trong, ngoài nước công bố hoặc tài liệu về y học cổ truyền, cây thuốc, vị thuốc được công bố trên các ấn bản khoa học (theo Thông tư 43/2014/TT-BYT). Nên bỏ các yêu cầu nặng nề về hồ sơ như được phẩm trong NQ 66.13/2026/NQ-CP, cụ thể bỏ quy trình sản xuất, nghiên cứu độ ổn định, báo cáo nghiên cứu, phát triển sản phẩm, vì tiền kiểm bằng giấy tờ là không hiệu quả. Thay vào đó Nghị định nên bổ sung quy định rõ ràng về hậu kiểm theo quản lý rủi ro để các địa phương thực hiện thống nhất, kịp thời phát hiện thực phẩm kém chất lượng, mất an toàn.</p>
41.	Giao thông vận tải (GTVT)	Thủ tục cấp phép/dăng kiểm phương tiện thủy nội địa ứng dụng công nghệ	<p>Đối với dự án đầu tư các phương tiện ứng dụng công nghệ mới như sà lan điện, doanh nghiệp gặp vướng mắc do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việt Nam chưa có tiền lệ và bộ tiêu chuẩn đầy đủ cho sà lan điện; - Các bộ, ngành và địa phương không có cơ sở đối chiếu để cấp phép, dẫn đến tâm lý thận trọng, yêu cầu bổ sung hồ sơ qua nhiều vòng; 	Giao Bộ Xây dựng (hoặc Cục chuyên ngành) làm đầu mối ban hành hướng dẫn tạm thời và thống nhất áp	<p>Kiến nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng cơ chế thí điểm có kiểm soát (sandbox) đối với các dự án đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh, nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư và thử nghiệm trong phạm vi, điều kiện rõ ràng, thay vì để doanh nghiệp “tự dò

		mới (ví dụ: sà lan điện)	<p>- Phát sinh yêu cầu giải trình rất lớn liên quan đến cạnh tranh, tập trung kinh tế (~150 trang giải trình chỉ cho một phương tiện sà lan đơn lẻ chạy tuyến ngắn).</p> <p>Đối với các dự án đổi mới công nghệ, đặc biệt là công nghệ xanh, rào cản lớn nhất hiện nay không phải là chủ trương, mà là khoảng trống thể chế và tiêu chuẩn kỹ thuật, giải trình trên mức cần thiết, khiến chi phí tuân thủ và thời gian xử lý tăng mạnh.</p>	dụng trên toàn quốc	<p>đường” trong môi trường thiếu chuẩn mực.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban hành bộ tiêu chí kỹ thuật và tiêu chuẩn tạm thời đối với các phương tiện, mô hình mới (như sà lan chạy điện, phương tiện vận tải thủy sử dụng năng lượng sạch). - Rút gọn yêu cầu giải trình đối với dự án quy mô nhỏ, ít tác động. - Áp dụng cơ chế đánh giá rủi ro thay vì yêu cầu hồ sơ đồng loạt.
42.	GTVT	Thủ tục trong hoạt động vận tải thủy nội địa, vận tải thủy ven biển	<p>Quyết định số 1254/QĐ-BGTVT ngày 28/9/2022, Bộ GTVT đã phê duyệt Đề án Phát triển đội tàu vận tải biển của Việt Nam. Theo Đề án: “Cho phép các phương tiện vận chuyển hàng container đóng mới có chân vịt mũi, chiều dài dưới 92m, kết nối cảng biển với cảng thủy nội địa được miễn hoa tiêu hàng hải và tàu lai khi cập cầu”, tuy nhiên nội dung này vẫn đang thuộc Đề án và chưa được ban hành thành quy định tương ứng. Bên cạnh đó, theo điểm b khoản 3 điều 247 Bộ luật Hàng hải 2015, tàu thuyền dưới 2.000 GT không cần hoa tiêu lai dắt.</p> <p>Trên thực tế, hoạt động vận tải hàng hóa trên các tuyến thủy nội địa thời gian qua đã có nhiều thay đổi đòi hỏi các loại tàu với thiết kế, tải trọng, và công năng khác nhau. Tuy nhiên, các quy định pháp luật hiện hành về nội quy hàng hải trên các tuyến và tiêu chuẩn kỹ thuật của tàu đóng mới có một số điểm chưa phù hợp với thực tế, gây khó khăn cho việc tối ưu hóa thiết kế và gia tăng chi phí đóng tàu.</p>		<p>Kiến nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem xét ban hành quy định pháp lý cho phép tàu container đóng mới có chân vịt mũi, chiều dài dưới 92m, kết nối cảng biển với cảng thủy nội địa được miễn hoa tiêu hàng hải và tàu lai khi cập cầu. - Xem xét điều chỉnh Bộ luật Hàng hải 2015, cho phép tàu thuyền dưới 4.000 GT, trọng tải toàn phần dưới 6.000 DWT không cần hoa tiêu lai dắt để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của đội tàu nội địa mà vẫn đảm bảo an toàn hàng hải, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư tàu với thông số kỹ thuật mới để chạy những tuyến mới, nâng cao hiệu quả khai thác hàng hóa thủy nội địa quốc gia.

43.	GTVT	Đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp	Việc thực hiện TTHC này đang trùng lặp về các thông tin cần khai báo so với 1 số hệ thống quản lý hiện hành. Hiện nay đã có: Hệ thống hải quan điện tử (VNACCS/VCIS), Khai báo manifest điện tử, Dữ liệu hãng bay & sân bay (cargo system). Các hệ thống này đều bao gồm thông tin: người gửi, người nhận, hàng hóa...		Đề xuất cắt bỏ.
44.	GTVT	Cấp/Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế	Thủ tục này có khả năng xử lý hiệu quả tại cấp địa phương, do đó đề xuất phân cấp để thực hiện, phù hợp với chủ trương của Đảng và Chính phủ về tăng cường phân cấp, phân quyền trong giải quyết thủ tục hành chính.	Chuyển từ cấp Bộ về địa phương.	
45.	GTVT	Khai báo, tiếp nhận và phản hồi thông tin lược khai (manifest)	Về thủ tục Khai báo, tiếp nhận và phản hồi thông tin lược khai (manifest) và chỉnh sửa được thực hiện thống nhất trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo Nghị định số 85/2019/NĐ-CP: Hiện tại, hãng tàu hoặc đại lý được phân quyền hồ sơ trên VNSW đã khai chỉnh sửa, tiếp theo sau đó phải gửi Công văn và hồ sơ giấy tới Hải quan cửa khẩu để lấy số tiếp nhận, giải quyết thủ tục theo tiến trình hồ sơ giấy - quy trình này tốn rất nhiều thời gian cho doanh nghiệp.		Kiến nghị: Bổ sung TTHC/nghiệp vụ này vào Danh sách dịch vụ công trực tuyến Hải quan, bổ sung thời hạn và tiến trình giải quyết hồ sơ.
46.	Khác	Thủ tục cấp phép nhập khẩu hóa chất	Theo Nghị định số 24/2026/NĐ-CP quy định chi tiết các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất, trong đó bao gồm hóa chất Phenol. Theo khoản 2, Điều 6, Nghị định 26/2026/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa, việc Khai báo hóa chất nhập khẩu (Thông tin khai báo hóa chất nhập khẩu) bao gồm Hóa đơn thương mại bản gốc và bản dịch tiếng Việt có xác thực của tổ chức trong trường hợp hóa đơn thương mại được phát hành bằng tiếng nước ngoài; Trong thực tế triển khai, việc thực hiện quy định xin cấp Giấy phép nhập khẩu theo từng hóa đơn (Invoice) hiện đang gây ra những bất cập lớn cho chuỗi cung ứng của DN:		Kiến nghị: Cơ quan chức năng sửa đổi Nghị định 26/2026 theo hướng: - Về cơ chế cấp phép: Cho phép doanh nghiệp được áp dụng cơ chế xin Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch (Quota) theo năm hoặc theo hợp đồng khung dài hạn thay vì theo từng hóa đơn lẻ. - Về hướng dẫn thủ tục: Cơ quan chức năng ban hành hướng dẫn chi tiết về quy trình, biểu mẫu hoặc các điều kiện bổ sung để doanh nghiệp có thể thực hiện lộ trình nhập khẩu theo hạn ngạch.

			<p>- Sự lệ thuộc vào thời điểm phát hành hóa đơn (Invoice): Đặc thù của Phenol lỏng là khối lượng chỉ được xác định chính xác sau khi bơm hàng tại cảng xuất. Do đó, Hóa đơn thường phát hành sát giờ tàu chạy. Với các tuyến vận chuyển ngắn từ Châu Á, hàng thường về tới cảng Việt Nam trước khi doanh nghiệp kịp nhận Giấy phép nhập khẩu. Việc này dẫn đến chi phí lưu kho bãi (đối với hàng nguy hiểm) tăng cao và gây ách tắc luồng hàng.</p> <p>- Rủi ro trong chuỗi cung ứng: dù DN chủ động tồn kho tối thiểu cho 02 tuần sản xuất, mỗi tháng DN phải tiến hành nhập 2-3 lô hàng. Tuy nhiên, việc xin giấy phép theo từng lô hàng khiến doanh nghiệp rơi vào thế bị động. Nếu đơn hàng nhập số lượng lớn, DN sẽ đối mặt với áp lực chi phí và lưu trữ.</p> <p>- Hệ lụy về kinh tế: Tình trạng chậm trễ trong nhập khẩu nguyên liệu đầu vào có nguy cơ trực tiếp gây thiếu hụt hàng hóa xuất khẩu, làm suy giảm uy tín của doanh nghiệp Việt trên thị trường quốc tế. Quan trọng hơn, việc gián đoạn sản xuất sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chuỗi cung ứng và tác động tiêu cực đến thu nhập, đời sống của đội ngũ công nhân viên tại DN.</p>	
47.	Khác	Thủ tục nhập khẩu vật liệu XD	<p>Vật liệu xây dựng kính theo phân loại tại Thông tư 10/2024/BXD được xếp vào nhóm phương thức Đánh giá hợp quy: Phương thức 5 và Biện pháp kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu là: Trước khi thông quan (tiền kiểm); phải duy trì kiểm tra theo lô khi nhập khẩu (Thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất; hiệu lực của Giấy chứng nhận hợp quy không quá 3 năm và giám sát hàng năm)</p> <p>Từ quy định đó, trong thực tế, doanh nghiệp nhập khẩu vật liệu xây dựng kính gặp phải các vấn đề sau:</p>	<p>Kiến nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho phép công nhận các tiêu chuẩn quốc tế tương đương như ASTM (Mỹ), EN (EU), ISO, GB (Trung Quốc), BIS, SIRIM... - Cho phép các phòng lab đạt chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 được tham gia kiểm định và cấp chứng nhận tiêu chuẩn cho mặt hàng kính. - Kéo dài hiệu lực chứng nhận (giúp giảm tần suất, giảm chi phí tuân thủ lặp lại cho doanh nghiệp) từ 3 - 5 năm với điều kiện không thay đổi sản phẩm/nhà máy và có hậu kiểm định kỳ.

	<p>- Các tiêu chuẩn quốc tế ASTM / EN / ISO / GB... không được chấp nhận. DN phải làm thử nghiệm/lấy chứng nhận tại các đơn vị có chức năng tại Việt Nam.</p> <p>- Thời hạn hiệu lực chứng nhận là một năm là quá ngắn, khiến doanh nghiệp tốn chi phí và thời gian để kiểm định và được cấp lại.</p> <p>Mặc dù Chính phủ đã ban hành Nghị định 37/2026 /NĐ-CP "quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa" với ba trụ cột cải cách là: (i) Quản lý theo mức độ rủi ro, (ii) Chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, (iii) Chuẩn hóa và số hóa quản lý chất lượng hàng hóa nhưng trên thực tế với việc mặt hàng kính (vật liệu xây dựng) hiện nay đang áp dụng theo phương thức 5 gây nhiều điểm nghẽn và gia tăng chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.</p> <p>Số liệu được doanh nghiệp thống kê như sau:</p> <p>1. Chi phí trực tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí hợp chuẩn/hợp quy nước ngoài: <ul style="list-style-type: none"> + 300 - 500 triệu / nhà cung cấp / năm • Với DN quy mô trung bình (10 - 20 NCC): <ul style="list-style-type: none"> + 3 - 10 tỷ/năm • Với toàn ngành VLXD (ước tính): <ul style="list-style-type: none"> + ~1.000 - 2.000 tỷ/năm. <p>2. Chi phí phát sinh do kiểm tra theo lô:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu container + lưu bãi: <ul style="list-style-type: none"> + 5 - 15 triệu/ngày/container - Thời gian chậm thông quan: <ul style="list-style-type: none"> + Từ 5 - 10 ngày/lô <p>=> Tổng chi phí phát sinh: +5% - 10% giá trị hàng hóa.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng 1 cửa và số hóa triệt để để doanh nghiệp làm thủ tục qua 1 đầu mối thay vì 03 đầu mối (hải quan, Bộ Xây dựng, Bộ KH-CN). - Áp dụng phương thức quản lý rủi ro như quy định tại Nghị định 37/2026/NĐ-CP: <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro thấp → miễn kiểm tra - Rủi ro trung bình → kiểm tra xác suất - Rủi ro cao → kiểm tra chặt.
--	---	---